SỞ Y TẾ THÁI BÌNH **TRUNG TÂM** **KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 118 /KSBT-NS	*Thái Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

THÔNG BÁO

Kết quả giám sát ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Nhà máy nước Hoàng Diệu
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần cấp nước Hoàng Diệu
- Địa chỉ: Tổ 7 - P. Hoàng Diệu - TP. Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Công suất thiết kế: 12.000m^3/ngày đêm, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước 12.500hộ gia đình.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Trà lý.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Vũ Ngọc Ánh - Tổ 10 - Hoàng Diệu - TP Thái Bình - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Vũ Tiến Hiển - Xã Đông Mỹ - TP Thái Bình - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thử nghiệm *(Kết quả số: 1479/KQTN-XN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):*

a) Về chỉ tiêu hóa, lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 0,6(b)	< 0,6(b)	< 0,6(b)	**15**
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	**Không có mùi vị lạ**
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	0,31	0,51	0,49	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,45	7,41	7,36	**Trong khoảng 6,0-8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10 -3(b)	<0,65x10 -3(b)	<0,65x10- 3(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,58	0,60	**< 0,04(b)**	**Trong khoảng 0,2-1,0**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,009(b)	<0,009(b)	<0,009(b)	**0,3**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10-3(b)	<2,0x10-3(b)	<2,0x10-3(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15(b)	<0,15(b)	<0,15(b)	**0.7**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10-3(b)	<0,33x10-3(b)	<0,33x10-3(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	<0,5(a)	0,64	0,704	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,8	8,51	8,51	**250 (hoặc 300)**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,67x10-3(b)	<0,67x10-3(b)	<0,67x10-3(b)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**1**
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	94	95	95	**300**
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**2**
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**0,1**
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,7	3,79	3,97	**200**
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^-tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,994	0,992	0,99	**2**
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,003(b)	<0,003(b)	<0,003(b)	**0,05**
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**0,3**
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	8,53	8,50	8,49	**250**
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,3x10-3(b)	<0,3x10-3(b)	<0,3x10-3(b)	**0,001**
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	136	140	144	**1000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<1,6x10-3(b)	<1,6x10-3(b)	<1,6x10-3(b)	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,02(b)	<0,02(b)	<0,02(b)	**0,07**
27.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002(b)	<0,002(b)	<0,002(b)	**0,01**
28.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	<0,03(a)	<0,03(a)	<0,03(a)	**1,5**

b) Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	KPH	**04**	**<3**
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	KPH	**03**	**<1**
3.	S. aureus	SMEWW 9213B:2017	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliform}$: 01CFU /100ml

III. Nhận xét

1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:

- Mẫu số 01, 02: Có 28/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Mẫu số 03: Có 27/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn cần khắc phục gồm: hàm lượng Clo dư.

2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:

- Mẫu số 01, 02: Có 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Mẫu số 03: Có 2/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Coliform, E.coli.

IV. Kiến nghị

1. Nhà máy nước Hoàng Diệu – Công ty cổ phần cấp nước Hoàng Diệu.

- Rà soát, bổ sung tăng hàm lượng clo để khắc phục ngay một số chỉ tiêu tại mẫu 3 chưa đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT, gồm: Hàm lượng Clo dư, chỉ số Coliform, E.coli và tiến hành xét nghiệm lại chỉ tiêu này (sau khi đã khắc phục) để đảm bảo chất lượng nước và thực hiện báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan chức năng theo quy định.

- Có kế hoạch kiểm soát hàng ngày đối với các chỉ tiêu dễ biến động (hàm lượng clo dư tự do, Độ đục,..) để có biện pháp xử lý cho phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng nước phục vụ người dân.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Các ngành chức năng và chính quyền địa phương: Kịp thời nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của nhà máy.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Công ty CP cấp nước Hoàng Diệu;
- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp&PTNT ;
- UBND Thành phố;
- TT Y tế Thành phố;
- Lưu VT, SKMT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung